

Số: 75/2023/QĐST-HNGĐ

TP. Vinh Long, ngày 31 tháng 3 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 98/2023/TLST-HNGĐ, ngày 23 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Trần Thị Thanh T, sinh năm 1984

Cư trú tại khu phố Long S, phường Long B, thành phố Thủ Đức, Thành Phố Hồ Chí Minh.

- **Bị đơn:** Ông Trần Trọng N, sinh năm 1982

Cư trú tại nhà số 59A, khóm Mỹ P, phường Tân H, thành phố Vinh Long, tỉnh Vĩnh Long.

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14.

Căn cứ vào các Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 23 tháng 3 năm 2023.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa bà Trần Thị Thanh T và ông Trần Trọng N.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về con chung:** Bà T được tiếp tục, trực tiếp nuôi con chung Trần Nguyên K, sinh ngày 19/11/2013. Ghi nhận sự tự nguyện của bà T, không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con chung.

Ghi nhận cháu Trần Thái T, sinh ngày 12/10/2003 đủ tuổi thành niên, bà T và ông N không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc cấp dưỡng nuôi con.

Ông N được quyền tới thăm nom con chung, không ai được quyền ngăn cản.

- **Về tài sản chung:** Bà T và ông N tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về nợ tài sản:** Bà T và ông N xác định không có nợ tài sản, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về án phí sơ thẩm:** Bà T tự nguyện chịu toàn bộ tiền án phí sơ thẩm hôn nhân 150.000 đồng, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số N⁰0001956, ngày 23/3/2023 của cơ quan Chi cục thi hành án Dân sự thành phố Vĩnh Long; số tiền chênh lệch còn lại 150.000 đồng được hoàn trả cho bà T.

Ông N không phải chịu tiền án phí hôn nhân sơ thẩm và tiền án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án tỉnh;
- Thi hành án;
- VKS cùng cấp;
- UBND xã, phường;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Thu T